TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **21** /2025/HC-PT
Ngày 16/9/2025
Về việc: Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông ***Trần Ngọc Hòa***

Các Thẩm phán:Bà ***Mai Vân Anh***

Ông ***Hoàng Liên Sơn***

- *Thư ký phiên tòa*: Bà ***Đinh Thúy Hương*** – Cán bộ Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: *Ông* ***Nguyễn Minh Hoàng*** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/9/2025 và 16/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 21/2024/TLPT-HC ngày 28/11/2024, về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 10/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn (Nay là TAND khu vực 7) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2025/QĐPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2025/QĐPT-HC ngày 12/8/2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Ngô Văn C**, sinh năm 1960; Căn cước công dân số 001060011964 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/04/2017; Địa chỉ: Thôn L, xã K, Hà Nội (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Bà **Nguyễn Thúy V**; sinh năm 1992 (có mặt) và/ hoặc ông **Phạm Trung K**, sinh năm 1979 (có mặt), Luật sư của Văn phòng L - Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: Số A, ngách I, phố V, phường N, Hà Nội.

Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, S, Hà Nội; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T** – Phó chủ tịch (vắng mặt).

Đại chỉ: T, xã K, Hà Nội

<u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>:

1. Ủy ban nhân dân xã K, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T** – Phó chủ tịch (vắng mặt).

Đại chỉ: Thanh Sơn, xã Kim Anh, Hà Nội

2. Ban Q

Địa chỉ: K, Đường C, thôn L, xã K, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Thu H** - Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người khởi kiện và các luật sư trình bày như sau:

1. Trại rừng Đ được thành lập ngày 30/4/1989 bằng Quyết định số 142. Tại Quyết định số 35/GĐ-KDR ngày 29/5/1995 ông C được L S, thuộc Sở N giao cho ông là chủ Trại rừng Đ quản lý và sử dụng (theo quy chế giao đất giao rừng và kinh doanh của Lâm T1 và theo Nghị định số 01 của Chính Phủ) kể từ ngày 01/6/1995 với diện tích 195ha thuộc khoảnh 21+22 (nay là K). Trong đó: 145 ha rừng thông, Bạch đàn, K1 (khoảnh 21+22); 50 ha đất trồng để làm VAC (khoảnh 22).

Tại Quyết định số 35/GĐ-KDR ngày 29/5/1995 này có nội dung:

"Cho phép Chủ trại rừng được đầu tư xây dựng các công trình để phục vụ cho việc phát triển kinh tế hộ và phục vụ bảo vệ rừng".

Căn cứ vào Quyết định này, từ năm 1995 cho đến nay, bản thân ông đã làm cho T2 rừng Đình P hoạt động theo đúng quy chế sản xuất kinh doanh của Lâm Trường, phát huy hiệu quả sử dụng đất, đảm bảo tính bền vững của hệ kinh tế sinh thái.

Bản thân ông đã đầu tư xây dựng các công trình để phục vụ cho việc phát triển kinh tế hộ và phục vụ bảo vệ rừng, kinh doanh khu sinh thái…Các công trình trên đất của ông đều đã được xây dựng từ khoảng năm 2010.

Ngày 11/5/2023, UBND xã M (nay là UBND xã K) đã tự ý lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai xác định ông đã có hành vi chuyển đất rừng phòng hộ là rừng trồng sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Diện tích chuyển mục đích trái phép là 20m^2 quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 91 ngày 19/11/2019 của Chính Phủ.

Ngày 12/5/2023, Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 140/QĐ-XPHC, theo đó đã xử phạt ông với số tiền 5.000.000 đồng.

Do không đồng ý với Quyết định của Chủ tịch UBND xã M nên ngày 24/5/2023 ông đã làm đơn khiếu nại.

Ngày 26/5/2023 Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định số 163/QĐ-CCXP để cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông, yêu cầu ông thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: "Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm" trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Ngày 14/6/2023, UBND xã M đã có buổi đối thoại với ông. Tuy nhiên tại buổi đối thoại, hai bên đã không thống nhất được ý kiến và quan điểm về việc giải quyết. Bản thân ông xác định ông không có công trình nào làm mới, chỉ là sửa chữa.

Ông công nhận là có sửa chữa đối với lán khung sắt mái tôn và trước khi sửa chữa ông không làm đơn xin phép ai vì ông nghĩ công trình đã có từ trước, ông chỉ sửa chữa phần mái bị cũ nát thôi.

Ông yêu cầu kiểm tra xác định vị trí và nội dung vi phạm của công trình nêu trong đơn, khi kiểm tra đề nghị có mặt đầy đủ các thành phần liên quan nhưng UBND xã đã không làm được.

Ngày 21/6/2023 Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định số 211/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông. Theo đó Quyết định: Giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M.

2. Đối với công trình vi phạm bị xử lý theo Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND xã M ông có ý kiến như sau:

Đây là diện tích đất khu vườn quả nằm trong diện tích đất mà ông đã được L S thuộc Sở N giao cho là chủ Trại rừng Đình Phú theo Quyết định số 35/GĐ-KDR ngày 29/5/1995. Đối với khu vườn quả này thì được trồng cây, làm mương, làm nhà bảo vệ…

Do hàng cây của ông ở phía trong bị phá hoại nên ông đã đầu tư xây tường gạch ở phía ngoài để bảo vệ cây trồng, xây bằng gạch, cao trung bình khoảng 50 cm.

Trước khi xây thì ông không xin phép ai bởi vì ông chỉ xây để bảo vệ sản xuất theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 07/7/2023, UBND xã M đã lập biên bản kiểm tra về hoạt động xây dựng. Theo đó tại biên bản xác định công trình xây dựng là tường bao gồm 03 đoạn: Đoạn 1 dài 35m cao 0,3m với cốt đất tự nhiên tại vị trí xây dựng, tường xây 220mm, xây bằng gạch liên kết vữa xi măng cát; Đoạn 2 dài 45m cao 0,3m với cốt đất tự nhiên tại vị trí xây dựng, tường xây 220mm, xây bằng gạch liên kết vữa xi măng cát; Đoạn 3 dài 42m, đang đào móng. Tại buổi làm việc này, mặc dù ông không có mặt nhưng UBND xã M đã yêu cầu ông ngừng ngay hoạt động xây dựng chờ cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, giải quyết; không được phát sinh thêm khối lượng công trình, nếu ông không thực hiện sẽ bị xử lý theo quy

định của pháp luật; yêu cầu ông sử dụng đất đúng mục đích. UBND xã M đã ra Thông báo yêu cầu ngừng thi công đối với ông.

Ngày 14/7/2023, UBND xã M đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất. Tại biên bản này, nội dung kiểm tra xác định ông xây 04 đoạn tường gạch: Đoạn 1 dài 75m cao 0,6m so với móng tường tại vị trí xây dựng, tường xây 220mm, xây bằng gạch liên kết vữa xi măng cát; Đoạn 2 dia 48m, cao 0,6m so với móng tường tại vị trí xây dựng, tường xây 220mm, xây bằng gạch liên kết vữa xi măng cát; Đoạn 3 dài 29m, cao 0,6m so với móng tường tại vị trí xây dựng, tường xây 220mm, xây bằng gạch liên kết vữa xi măng cát; Đoạn 4 dài 86m, cao 0,6m so với móng tường tại vị trí xây dựng, tường xây 220mm, xây bằng gạch liên kết vữa xi măng cát.

Tại buổi làm việc này, ông đã có ý kiến là ông có 23 cây muồng Hoàng Y bị xâm phạm đánh trồng vào phía trong nay đã bị chết toàn bộ, ông đã tố cáo nhưng chưa được giải quyết.

Tại Biên bản này UBND xã M đã yêu cầu ông ngừng ngay các hoạt động xây dựng, phối hợp với cơ quan chức năng để làm việc theo quy định, sử dụng đất đúng mục đích.

Cùng ngày 14/7/2023, Ủy ban nhân dân xã M đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 56 đối với ông. Theo đó xác định ông đã có hành vi vi phạm hành chính "Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn. Diện tích đất chiếm là 52,3m^2."

Ngày 17/7/2023, Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 233/QĐ-XPHC. Tại Quyết định này xác định ông đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính "Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn. Diện tích đất chiếm là 52,3m^2" và xử phạt ông với mức phạt 4.000.000 đồng, buộc ông phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Ngày 31/7/2023 Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, thời gian thực hiện là 45 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Bản thân ông xác định các Quyết định hành chính của UBND xã và Chủ tịch UBND xã M đã ban hành là trái quy định của pháp luật.

Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- Hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Chủ tịch UBND xã M về việc giải quyết khiếu nại;
- Hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND xã M về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

*** Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã M quá trình giải quyết vụ án có ý kiến quan điểm:**

1. *Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023; Hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023:*

Kết quả xác minh nội dung kiếu nại của Tổ xác minh:

- Ngày 08/5/2023, Tổ quản lý trật tự xây dựng đô thị địa bàn xã M phát hiện công trình xây dựng của ông Ngô Văn C với chiều dài 4m, rộng 5m, cao 2,5m so với cốt nền, công trình xây dựng kết cấu khung sắt, mái lợp tôn dựng trên nền móng cũ tại vị trí xây dựng. Do đó tổ quản lý trật tự xây dựng địa bàn đã phối hợp cùng cán hộ hạt Kiểm Lâm, cán bộ Ban Q lập biên bản kiểm tra hoạt động xây dựng. Sau khi hoàn thiện biên bản kiểm tra hiện trạng, tổ quản lý trật tự xây dựng địa bàn đã bàn giao hồ sơ cho đồng chí công chức địa chính xã phụ trách thôn L.

Ngày 09/5/2023 UBND xã M ban hành Thông báo đối với ông Ngô Văn C yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình tại thôn L.

Ngày 10/5/2023 sau khi nhận hồ sơ bàn giao của tổ trật tự xây dựng địa bàn, công chức địa chính xã đã gửi giấy mời ông Ngô Văn C có mặt tại vị trí công trình xây dựng, thời gian vào lúc 14h30, ngày 11/5/2023, tuy nhiên ông C không có mặt, sau đó đồng chí công chức địa chính điện thoại mời ông C, ông C trao đổi trên điện thoại không đến làm việc và không phối hợp.

Ngày 11/5/2023, các thành phần được mời tham dự cùng có mặt gồm: Công chức địa chính xã, tổ quản lý trật tự xây dựng địa bàn, đại diện hạt kiểm lâm, đại diện Ban Q, đại diện thôn L. Tại buổi làm việc các thành phần tham gia đều cung cấp thông tin, tại vị trí xây dựng thuộc khoảnh 11, lô C thuộc bản đồ điều chỉnh quy hoạch rừng phòng hộ bảo vệ môi trường năm 2008, công chức địa chính đã lập biên bản làm việc với những nội dung trên. Cùng ngày làm việc công chức địa đính đã lập phiếu xác định nguồn gốc đất đối với vị trí xây dựng thuộc loại đất L.

Căn cứ biên bản làm việc và phiếu xác định nguồn gốc đất ngày 11/5/2023, công chức địa chính xã đã lập biên bản vi phạm hành chính số 40/BB-VPHC ngày 11/5/2023 của UBND xã đối với ông Ngô Văn C vi phạm về lĩnh vực đất đai.

Ngày 12/5/2023, Chủ tịch UBND xã đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, hành vi vi phạm là: chuyển từ đất rừng phòng hộ là rừng trồng sang đất phi nông nghiệp, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, được quy định tại điểm a, khoản 2, điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Diện tích vi phạm 20m^2, mức phạt bằng tiền 5000.000 (năm triệu) đồng.

Sau khi thiết lập các hồ sơ vi phạm, công chức địa chính xã đã gửi biên bản vi phạm hành chính số 40, quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 140/QĐ-XPHC cho ông Ngô Văn C qua đường bưu điện chuyển phát nhanh. Ông C đã nhận được nên mới thực hiện việc khiếu nại.

Như vậy, Biên bản vi phạm hành chính số 40 ngày 11/5/2023 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND xã đã được thực hiện theo đúng quy trình và quy định của pháp luật.

Từ kết quả xác minh của Tổ xác minh, ngày 21/6/2023, Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định số 211/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Văn C (lần đầu). Theo đó, công nhận và giữ nguyên Biên bản vi phạm hành chính số 40 ngày 11/5/2023 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 140 ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M đối với ông C.

***2.** Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023:*

- Ngày 07/7/2023 tổ quản lý trật tự xây dựng đô thị địa bàn xã M phát hiện công trình xây dựng của ông Ngô Văn C đang xây tường bao dài 03 đoạn: Đoạn 1 dài 35m, cao 0.3 m so với cốt tự nhiên tại vị trí xây dựng, tường xây 220 mm, xây bằng gạch liên kết vữa, xi măng, cát; Đoạn 2 dài 45m, cao 0.3m so với cốt đất tự nhiên, tại vị trí xây dựng tường xây 220mm, xây bằng gạch chỉ đặc liên kết vữa, xi măng, cát; Đoạn 3 dài 42m, đang đào móng. Do đó tổ quản lý trật tự xây dựng địa bàn đã phối hợp Trưởng thôn Lâm Trường lập biên bản kiểm tra hoạt động xây dựng (tại thời điểm lập biên bản chủ đầu tư xây dựng vắng mặt). Sau khi hoàn thiện biên bản kiểm tra hiện trạng, tổ quản lý trật tự xây dựng địa bàn đã bàn giao hồ sơ cho đồng chí công chức địa chính xã phụ trách thôn L.

Ngày 07/7/2023 UBND xã ra Thông báo yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình tại thôn L, xã M cho ông Ngô Văn C.

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 14/7/2023, Tổ quản lý trật tự xây dựng đô thị địa bàn xã M tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của ông Ngô Văn C phát hiện đang xây dựng công trình gồm 04 đoạn tường gạch cụ thể: Đoạn 1 dài 75m, cao 0,6m so với móng tường, tại vị trí xây dựng tường xây 220mm, xây bằng gạch chỉ đặc liên kết vữa, xi măng, cát; Đoạn 2 dài 48m, cao 0,6m so với móng tường, tại vị trí xây dựng tường xây 220mm, xây bằng gạch chỉ đặc, liên kết vữa, xi măng, cát; Đoạn 3 dài 29m, cao 0,6m so với móng tường, tại vị trí xây dựng tường xây bằng gạch chỉ đặc, liên kết vữa, xi măng, cát; Đoạn 4 dài 86m, cao 0,6m so với móng tường, tại vị trí xây dựng tường xây 220mm, xây bằng gạch chỉ đặc, liên kết vữa, xi măng, cát. Ngày 14/7/2024, Ủy ban nhân dân xã đã có phiếu xác nhận nguồn gốc đất xác định: Vị trí công trình xây dựng (tường gạch): diện tích 52,3 m^2 nằm trong lô 8.1 khoảnh 11 (theo Bản đồ quy hoạch rừng phòng hộ bảo vệ môi trường năm 2008 xã M) địa giới hành chính xã M; nguồn gốc đất: là đất rừng phòng hộ (đất lâm nghiệp). Trên cơ sở đó, UBND xã lập biên bản vi phạm hành chính số 56/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Ngô Văn C vì đã có hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn, diện tích đất chiếm là: 52,3 m^2. Hành vi vi phạm trên được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Từ những căn cứ trên, ngày 17/7/2023, Chủ tịch UBND xã đã ban hành Quyết định số 233/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Ngô Văn C; địa điểm vi phạm: thôn L, xã M, S, Hà Nội; đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn, diện tích đất chiếm là: 52,3 m^2; mức xử phạt áp dụng: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Sau khi thiết lập các hồ sơ vi phạm, công chức địa chính xã đã gửi biên bản vi phạm hành chính số 56/BB-VPHC, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 233/QĐ-XPHC cho ông Ngô Văn C, ông C đã nhận được và khởi kiện.

Như vậy, biên bản vi phạm hành chính số 56/BB-VPHC, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND xã M đã được thực hiện theo đúng quy trình và quy định của pháp luật.

Vì vậy, người bị kiện không nhất trí với toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

*** Ban Q do bà Nguyễn Thị Thu H - Giám đốc, có ý kiến:**

Phần khung sắt mái tôn ông C làm thuộc khoảnh 11 lô 3.2 thuộc Bản đồ điều chỉnh quy hoạch rừng phòng hộ bảo vệ môi trường năm 2008. Ngoài ra bà H không có ý kiến gì khác và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã quyết định như sau:

Căn cứ: Khoản 1 điều 30; Điều 31; Điểm a khoản 2 Điều 193; điều 206;Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Luật khiếu nại; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C về việc: Hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023; Hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023; Hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ngày 18/10/2024 ông Ngô Văn C có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023; Hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023; Hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội. Ông làm vườn, trồng cây từ rất lâu, việc xây tường bao là bảo vệ cây cối hoa màu của ông được nhà nước cho phép, chứ ông không chiếm đất nông nghiệp

là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn, như các Quyết định xử phạt hành chính đã nêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị HĐXX chấp nhận một phần đơn khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện. Hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023; Hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội. Còn Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội thì đề nghị xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tòa án giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật.

Về nội dung:

- Căn cứ Điều 241 Luật TTHC năm 2015, Luật khiếu nại, Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị quyết 326/30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Văn C;

- Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 10/10/2024 của TAND huyện Sóc Sơn, theo hướng:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C về việc Hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC; Hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã M.

+ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC của Chủ tịch UBND xã M.

- Về án phí: Do kháng cáo của ông C được chấp nhận một phần, bên cạnh đó, ông C là người cao tuổi nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của Luật sư, của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét nội dung kháng cáo của ông C:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ông C khởi kiện yêu cầu Hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023; Hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023; Hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên là đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã M (nay là Chủ tịch UBND xã K) nên Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 31 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Ngày 18/10/2024, ông C kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn là đảm bảo về thời hạn kháng cáo nên Toà án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 26/4/2024, ông C có đơn khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định hành chính nêu trên gửi Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Tại phiên tòa người bị kiện là Chủ tịch UBND xã K có đơn xin giải quyết vắng mặt, Ban Q xin vắng mặt. Căn cứ điểm Điều 157, Điều 158 luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt.

Khi xem xét Quyết định khởi kiện, Hội đồng xét xử còn phải xem xét các Quyết định liên quan khác theo khoản 1 Điều 6 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023:

+ Về thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, Chính quyền địa phương xác định ông Ngô Văn C có hành vi vi phạm hành chính *"Chuyển đất rừng phòng hộ là rừng trồng sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép"* theo quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ nên ngày 12/5/2023, Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định số 140/QĐ-XPHC đối với ông Ngô Văn C là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

+ Về thủ tục ban hành quyết định xử phạt:

Ngày 08/5/2023, Tổ quản lý trật tự xây dựng đô thị địa bàn xã M phát hiện công trình xây dựng của ông Ngô Văn C dựng kết cấu khung sắt, mái lợp tôn dựng trên nền móng cũ tại vị trí xây dựng. Do đó tổ quản lý trật tự xây dựng địa bàn đã phối hợp cùng cán bộ hạt Kiểm Lâm, cán bộ Ban Q lập Biên bản kiểm tra hoạt động xây dựng; ngày 09/5/2023 ủy ban nhân dân xã M ban hành Thông báo yêu cầu ông Ngô Văn C ngừng thi công xây dựng công trình tại thôn L; ngày 10/5/2023 sau khi nhận hồ sơ bàn giao của tổ trật tự xây dựng địa bàn, công chức địa chính xã đã gửi giấy mời ông Ngô Văn C có mặt tại vị trí công trình xây dựng, tuy nhiên ông C không có mặt; ngày 11/5/2023, các thành phần gồm: Công chức

địa chính xã, tổ quản lý trật tự xây dựng địa bàn, đại diện hạt kiểm lâm, đại diện Ban Q, đại diện thôn L đã có buổi làm việc. Tại biên bản làm việc xác định tại vị trí ông C xây dựng công trình thuộc khoảnh A, lô 3.2 thuộc bản đồ điều chỉnh quy hoạch rừng phòng hộ bảo vệ môi trường năm 2008. Cùng ngày làm việc UBND xã đã lập phiếu xác định nguồn gốc đất đối với vị trí xây dựng thuộc loại đất L.

Theo hồ sơ UBND xã cung cấp thì ngày 02/06/2017 ông C có đơn đề nghị sửa chữa lều, lán trong trang trại và trình bày: *Trang trại của tôi được xây dựng năm 1989 đã xuống cấp nghiêm trọng, đề nghị UBND xã M tạo điều kiện cho sửa chữa, cải tạo và nâng cấp các công trình bị hư hỏng*. Đơn này đã được Chủ tịch UBND xã M xác nhận như sau: *Đơn trình bày của ông Ngô Văn C là có thực tế, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giúp đỡ*. Như vậy, UBND xã M đã xác nhận các công trình của ông C có từ rất lâu. Ông C đã tiến hành sửa chữa lại, dựng lại công trình (khung sắt, mái lợp tôn) với diện tích khoảng 20m2, tường cao 2,5m dựng trên nền cũ đã xây dựng tại vị trí xây dựng (nội dung này cũng được thể hiện trong Biên bản vi phạm hành chính số 40/BB-VPHC) chứ không xây dựng mới.

Xét biên bản làm việc và phiếu xác định nguồn gốc đất ngày 11/5/2023, biên bản vi phạm hành chính số 40/BB-VPHC ngày 11/5/2023 của UBND xã M đối với ông Ngô Văn C vi phạm về lĩnh vực đất đai đã không đảm bảo về thủ tục theo quy định tại Điều 57, 58 Luật xử lý vi phạm hành chính về xác định nguồn gốc đất và thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm.

Cho nên, ngày 12/5/2023, Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định số 140/QĐ-UBND về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Ngô Văn C là không đảm bảo theo quy định tại Điều 66, 67 Luật xử lý vi phạm hành chính.

+ Về nội dung của quyết định xử phạt, biên bản vi phạm hành chính:

Vào lúc 15:30 ngày 11/5/2023, UBND xã M tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 40/BB-VPHC có nội dung thể hiện hành vi vi phạm hành chính như sau: *Chuyển đất rừng phòng hộ là rừng trồng sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, diện tích chuyển mục đích trái phép là 20m^2*. Trên đất chủ vi phạm xây dựng công trình cụ thể như sau: chiều dài 4m, rộng 5m (diện tích 20m2), cao 2,5m so với cốt nền tại vị trí xây dựng , kết cấu công trình khung sắt, mái lợp tôn, dựng trên nền cũ đã xây tại vị trí xây dựng.

Sau đấy, Chủ tịch UBND xã M căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 40/BB-VPHC để ban hành Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 phạt tiền là 5.000.000 đồng đối với ông C vì ông C đã có hành vi vi phạm hành chính chuyển đất rừng phòng hộ là rừng trồng sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, diện tích chuyển mục đích trái phép là 20m2 và buộc khôi phục lại tình trạng của thửa đất trước khi vi phạm.

Tuy nhiên, theo Điều 1 của Quyết định số 35/GĐ-KDR ngày 29/5/1995 của

Lâm trường S về việc giao đất rừng cho trại rừng Đ, có nội dung thể hiện: *Nay giao đất rừng cho ông Ngô Văn C chủ trại rừng Đ quản lý, sử dụng kể từ ngày 01/6/1995 với diện tích cụ thể như sau: Tổng diện tích 195ha, thuộc khoảnh 21 + 22, trong đó: 145ha rừng thông, bạch đàn, keo (khoảnh 21 + 22); 50ha đất trống để làm VAC (khoảnh 22). Cho phép chủ trại rừng được đầu tư xây dựng các công trình để phục vụ cho việc phát triển kinh tế hộ và phục vụ bảo vệ rừng.*

Đồng thời, theo lời trình bày của chủ trại rừng, trước khi cơ quan chức năng ban hành Quyết định số 35/GĐ-KDR, tại vị trí xử phạt vi phạm hành chính đã có 02 lán trại diện tích 150m2 cho công nhân ở, 03 chuồng trại diện tích 200m2 được xây dựng từ năm 1989 đã được UBND xã M xác nhận là thực tế.

Theo lịch sử để lại thì quá trình quản lý, sử dụng trong số diện tích 195ha rừng ông C được giao theo Quyết định số 35/GĐ-KDR đã có những lán trại cho công nhân ở và những chuồng trại đã tồn tại từ trước, đến nay do thời gian sử dụng đã lâu những công trình này xuống cấp, hư hỏng, ông C chỉ gia cố, sửa chữa lại lán trại và chuồng trại trên nền đất cũ. Bên cạnh đó, theo Điều 1 Quyết định số 35/GĐ-KDR cũng cho phép chủ trại rừng (ông C) được đầu tư xây dựng các công trình để phục vụ cho việc phát triển kinh tế hộ và phục vụ bảo vệ rừng. Nên xét thấy, việc C đã tiến hành sửa chữa, dựng lại công trình (khung sắt, mái lợp tôn) với diện tích khoảng 20m2, tường cao 2,5m trên nền cũ đã xây dựng tại vị trí xây dựng là hợp pháp và đảm bảo theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 35/GĐ-KDR. Việc UBND xã M lập biên bản và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C nhưng nội dung xử phạt không xác định rõ ràng được vị trí xây dựng của ông C vi phạm theo vị trí nào trong Quyết định số 35/GĐ-KDR, việc chính quyền địa phương lập biên bản vi phạm và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có nội dung không rõ ràng hành vi vi phạm tại vị trí nào trong Quyết định số 35/GĐ-KDR mà ông C không được phép xây dựng, sửa chữa lán trại, chuồng trại làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng mà chủ trại rừng được phép đầu tư xây dựng các công trình để phục vụ cho việc phát triển kinh tế hộ và phục vụ bảo vệ rừng.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội cũng có nhiều Công văn gửi các cơ quan ban ngành tại Hà Nội, đề nghị cung cấp: Tờ trình số 22/TTr-UBND của UBND thành phố H về việc thông qua Dự án "Điều chỉnh Quy hoạch rừng huyện S, thành phố Hà Nội"; Quyết định số 35/GĐ-KDR ngày 29/5/1995 của S thuộc Sở N giao cho ông Ngô Văn C là chủ Trại rừng Đ (diện tích, mốc giới cụ thể); Các văn bản pháp lý liên quan đến quá trình lập, thẩm định, phê duyệt Dự án: Điều chỉnh Quy hoạch rừng huyện S, thành phố Hà Nội năm 2008; Các bản đồ, bản vẽ phê duyệt Quy hoạch (hợp pháp theo quy định pháp luật) rừng huyện S, thành phố Hà Nội năm 2008, để làm rõ việc sử dụng đất và sửa chữa lán trại, chuồng trại của ông C, có thể liên quan đến Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 nhưng không được trả lời rõ.

Nên xét thấy, có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện về việc Hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M.

[2.2] Xét Quyết định số 163/QĐ-CCXP ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông C:

+ *Về thẩm quyền ban hành quyết định:* Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định số 163/QĐ-CCXP ngày 26/5/2023 là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, 70, 85, 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020.

+ *Về nội dung:* Do ông C không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong thời hạn 10 ngày theo Quyết định số 140/QĐ-UBND, cho nên Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định số 163/QĐ-CCXP ngày 26/5/2023 là có căn cứ.

Tuy nhiên, Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M ban hành là không có căn cứ nên hủy Quyết định số 163/QĐ-CCXP ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M.

[2.3] Xét Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023:

+ *Về thẩm quyền ban hành quyết định:* Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông C là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011.

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của người khiếu nại, Chủ tịch UBND xã M đã tiến hành thực hiện các trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, như: Thụ lý giải quyết khiếu nại, xác minh nội dung khiếu nai, tổ chức đối thoại, ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 15, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

+ *Về nội dung:* Như phân tích nêu trên, xác định Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M ban hành là không có căn cứ. Do đó, tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Chủ tịch UBND xã M, Quyết định: Giữ nguyên các nội dung tại Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M cũng chưa đảm bảo tính hợp pháp. Cho nên, chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Chủ tịch UBND xã M.

[2.4] Xét Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023:

+ *Về thẩm quyền ban hành Quyết định:*

Do xác định ông Ngô Văn C có hành vi vi phạm hành chính *"Chiếm đất*

nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn, diện tích đất chiếm là: 52,3 m^2". Theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định số 233/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông C là đúng thẩm quyền.

+ Về trình tự thủ tục ban hành quyết định:

Ngày 07/7/2023 tổ quản lý trật tự xây dựng đô thị địa bàn xã M phát hiện công trình xây dựng của ông Ngô Văn C đang xây tường bao dài 03 đoạn: Đoạn 1 dài 35m, cao 0,3m so với cốt tự nhiên tại vị trí xây dựng, tường xây 220 mm, xây bằng gạch liên kết vữa, xi măng, cát; đoạn 2 dài 45m, cao 0.3m so với cốt đất tự nhiên, tại vị trí xây dựng tường xây 220mm, xây bằng gạch chỉ đặc liên kết vữa, xi măng, cát; đoạn 3 dài 42m, đang đào móng. Do đó tổ quản lý trật tự xây dựng địa bàn đã phối hợp Trưởng thôn Lâm Trường lập biên bản kiểm tra hoạt động xây dựng (tại thời điểm lập biên bản chủ đầu tư xây dựng vắng mặt). Sau khi hoàn thiện biên bản kiểm tra hiện trạng, tổ quản lý trật tự xây dựng địa bàn đã bàn giao hồ sơ cho công chức địa chính xã phụ trách thôn L.

Ngày 07/7/2023, UBND xã M ban hành Thông báo yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình tại thôn L, xã M đối với ông Ngô Văn C.

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 14/7/2023, Tổ quản lý trật tự xây dựng đô thị địa bàn xã M tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của ông Ngô Văn C phát hiện đang xây dựng công trình gồm 04 đoạn tường gạch cụ thể: đoạn 1 dài 75m, cao 0,6m so với móng tường, tại vị trí xây dựng tường xây 220mm, xây bằng gạch chỉ đặc liên kết vữa, xi măng, cát; đoạn 2 dài 48m, cao 0,6m so với móng tường, tại vị trí xây dựng tường xây 220mm, xây bằng gạch chỉ đặc, liên két vữa, xi măng, cát; đoạn 3 dài 29m, cao 0,6m so với móng tường, tại vị trí xây dựng tường xây bằng gạch chỉ đặc, liên kết vữa, xi măng, cát; đoạn 4 dài 86m, cao 0,6m so với móng tường, tại vị trí xây dựng tường xây 220mm, xây bằng gạch chỉ đặc, liên kết vữa, xi măng, cát. Như vậy, sau khi có Thông báo yêu cầu ngừng thi công, ông Ngô Văn C1 không những không ngừng thi công mà còn tiếp tục phát sinh thêm diện tích công trình vi phạm.

Xét biên bản vi phạm hành chính số 56/BB-VPHC ngày 14/7/2023 UBND xã M đối với ông Ngô Văn C, đã có hành vi vi phạm hành chính:

Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn, diện tích đất chiếm là: 52,3m2, cụ thể: công trình xây dựng tường bao có tổng chiều dài 238m gồm 04 đoạn (75m + 48m + 29m + 86m), tường 220mm xây bằng gạch cao trung bình 0,6m so với mặt đất tự nhiên; tổng diện tích xây dựng là 52,3m^2. Ngày 14/7/2023, UBND xã đã có phiếu xác nhận nguồn gốc đất xác định: Vị trí công trình xây dựng (tường gạch): Diện tích 52,3 m^2 nằm trong lô 8.1 khoảnh 11 (theo Bản đồ quy hoạch rừng phòng hộ bảo vệ môi trường năm 2008 xã M) địa giới hành chính xã M; nguồn gốc đất: là đất rừng phòng hộ (đất lâm nghiệp).

Ngày 17/7/2023, Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định số 233/QĐ-XPHC đối với ông Ngô Văn C vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn, diện tích đất chiếm là: 52,3 m^2 tại thôn L, xã M quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; mức xử phạt áp dụng: 4.000.000 đồng.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND xã M với ông Ngô Văn C được thực hiện đảm bảo theo đúng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 57, 58, 66, 68, 70, 78, 85 Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

+ *Về nội dung:* Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện phần đất nơi có công trình của ông C xây dựng 04 đoạn tường bao là đất rừng thuộc khoảnh 11, lô 8.1, Bản đồ quy hoạch rừng phòng hộ và bảo vệ môi trường năm 2008 của xã M. Việc ông C xây dựng công trình trên đất khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là trái quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND xã M đã căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022; Biên bản vi phạm hành chính số 56/BB-VPHC ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã M để ban hành Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 đối với ông Ngô Văn C là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc Hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 là đúng.

[2.5] Quyết định số 251/QĐ-CCXP ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND xã M về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ban hành về hình thức và nội dung là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá trên nhận thấy: Có căn cứ pháp lý để chấp nhận một phần kháng cáo của người kháng cáo đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC; Hủy Quyết định số 163/QĐ-CCXP ngày 26/5/2023; Hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã M. Không có căn cứ pháp lý để chấp nhận đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND xã M.

Luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C và Kết luận của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Chủ tịch UBND xã K phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Nghị quyết 104/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

- Khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

- Luật Đất đai năm 2013;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020;

- Luật khiếu nại năm 2011;

- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ);

- Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 33/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn và bản đồ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Văn C;

2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 10/10/2024 của TAND huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội (Nay là TAND khu vực 7, Thành phố Hà Nội).

2.1. Hủy Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội (Nay là Chủ tịch UBND xã K, Thành phố Hà Nội) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Ngô Văn C.

2.2. Hủy Quyết định số 163/QĐ-CCXP ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội (Nay là Chủ tịch UBND xã K, Thành phố Hà Nội) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Ngô Văn C.

2.3. Hủy Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Chủ tịch UBND xã M, Thành phố Hà Nội (Nay là Chủ tịch UBND xã K, Thành phố Hà Nội) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Văn C, thôn L, xã M, S (Nay là xã K, Thành phố Hà Nội)

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 233/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội (Nay là Chủ tịch UBND xã K, Thành phố Hà Nội) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Ngô Văn C.

4. Về án phí: Chủ tịch UBND xã K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng hành chính phúc thẩm.

Án xử công khai, phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

TRẦN NGỌC HÒA

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm VKSNDTC tại Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND khu vực 7;
- VKSND khu vực 7;
- THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu HS/VP./.